

**BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG**



ĐỀ ÁN

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
THÚC ĐẨY NGÀNH XÂY DỰNG ĐÓNG GÓP MỤC TIÊU
TĂNG TRƯỞNG 10% NĂM 2026 VÀ TĂNG TRƯỞNG HAI
CON SỐ TRONG CÁC NĂM TIẾP THEO**

BÁO CÁO TÓM TẮT



Hà Nội, 2026

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG

ĐỀ ÁN

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
THÚC ĐẨY NGÀNH XÂY DỰNG ĐÓNG GÓP MỤC TIÊU
TĂNG TRƯỞNG 10% NĂM 2026 VÀ TĂNG TRƯỞNG
HAI CON SỐ TRONG CÁC NĂM TIẾP THEO

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
1. VAI TRÒ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH XÂY DỰNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TĂNG TRƯỞNG GDP CẢ NƯỚC NHỮNG NĂM QUA.....	5
2. ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP CỦA NGÀNH XÂY DỰNG VÀO GDP CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2025	5
2.1. Phương pháp và số liệu tính toán	5
2.2. Kết quả tính toán.....	6
3. ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP CỦA NGÀNH XÂY DỰNG VÀO GDP	12
4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CỤ THỂ CHO CÁC LĨNH VỰC CHÍNH CỦA NGÀNH XÂY DỰNG GẮN VỚI ĐỊNH HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ GIA TĂNG NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2026	13
4.1. Nhiệm vụ tổng thể cả năm 2026	13
4.2. Phân kỳ nhiệm vụ theo từng quý	16
5. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ NGÀNH XÂY DỰNG ĐÓNG GÓP HIỆU QUẢ VÀO TĂNG TRƯỞNG GDP CẢ NƯỚC 10% NĂM 2026	19
5.1. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm	19
5.2. Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp.....	27
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	30

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội - Gross Domestic Product
GO	Giá trị sản xuất theo giá hiện hành - Gross Output
GTVT	Giao thông vận tải
GVA	Giá trị gia tăng gộp - Gross Value Added
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế (thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới)
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
ITS	Hệ thống giao thông thông minh
PPP	Đối tác công – tư
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban Nhân dân
VA	Giá trị tăng thêm - Value Added
VLXD	Vật liệu xây dựng
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ACST	Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1. Giá trị tăng thêm của các nhóm lĩnh vực ngành xây dựng năm 2026 tương ứng mức tăng trưởng GDP	7
Bảng 2. Giá trị tăng thêm của các nhóm lĩnh vực ngành xây dựng năm 2026 tương ứng tăng trưởng GDP 10% tính theo giá so sánh	8
Bảng 3. Tổng hợp đóng góp trực tiếp và gián tiếp của ngành Xây dựng vào GDP năm 2026 (% , giá so sánh).....	12
Bảng 4. Tổng hợp các nhiệm vụ, chỉ tiêu cần thực hiện đối với các lĩnh vực chính của Ngành Xây dựng để đảm bảo tăng trưởng GDP 10% năm 2026	14
Bảng 5. Phân kỳ mục tiêu VA theo quý năm 2026 của ngành Xây dựng (giá so sánh)	17
.....	17
Bảng 6. Phân bổ chỉ tiêu sản lượng theo quý năm 2026 theo các nhóm lĩnh vực	18

MỞ ĐẦU

Giai đoạn 2021 - 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp, khó lường do tác động tổng hợp của xung đột địa chính trị, lạm phát kéo dài, đứt gãy và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Những diễn biến này làm gia tăng rủi ro, thách thức đối với ổn định kinh tế vĩ mô và triển vọng tăng trưởng của nhiều quốc gia. Bước sang giai đoạn 2026 - 2030, phát triển bền vững, chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ tiếp tục được xác định là xu thế chủ đạo trong chiến lược phát triển của các quốc gia.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới với mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững. Năm 2026, năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mới, có ý nghĩa then chốt trong việc tạo lập nền tảng để hoàn thành các mục tiêu trung và dài hạn. Trong đó, tăng cường xây dựng và phát triển đồng bộ, chất lượng cao hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng kinh tế - xã hội được xác định là những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa then chốt.

Trong bối cảnh đó, ngành Xây dựng, với vai trò quản lý nhà nước thống nhất đối với lĩnh vực xây dựng và kết cấu hạ tầng, được xác định có vai trò quan trọng, trực tiếp triển khai các đột phá chiến lược về hạ tầng kinh tế xã hội, góp phần tạo động lực lan tỏa cho tăng trưởng và phát triển bền vững. Yêu cầu đặt ra đối với ngành là bảo đảm tiến độ, chất lượng các công trình hạ tầng trọng điểm, đồng thời thúc đẩy phát triển đô thị theo hướng bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư và năng lực nội sinh của nền kinh tế.

Trên cơ sở bám sát các quan điểm, định hướng của Đảng và Chính phủ, “Đề án Nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy ngành Xây dựng đóng góp mục tiêu tăng trưởng 10% năm và tăng trưởng hai con số trong các năm tiếp theo” được xây dựng nhằm cụ thể hóa kịch bản tăng trưởng, dự báo tỷ trọng đóng góp của ngành Xây dựng vào GDP quốc gia; đồng thời xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá và khả thi. Đây là cơ sở pháp lý và thực tiễn quan trọng để ngành Xây dựng đóng góp hiệu quả vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong năm 2026 và tạo nền tảng cho phát triển bền vững giai đoạn 2026–2030.

1. VAI TRÒ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH XÂY DỰNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TĂNG TRƯỞNG GDP CẢ NƯỚC NHỮNG NĂM QUA

Ngành xây dựng là một trụ cột quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, có tác động mạnh mẽ và lan tỏa đến nhiều lĩnh vực khác. Những ảnh hưởng nổi bật của ngành xây dựng đến nền kinh tế trong những năm qua:

- Đóng góp trực tiếp vào GDP: Ngành xây dựng thường đóng góp khoảng 15 - 17% GDP hằng năm, góp phần tạo tiền đề cho tăng trưởng dài hạn và chuyển đổi cơ cấu kinh tế (ví dụ: kết nối vùng, thúc đẩy logistics, đô thị hóa,...). Hoạt động xây dựng tham gia thúc đẩy đầu tư công và phát triển hạ tầng quốc gia với hàng loạt dự án trọng điểm: cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành, các tuyến metro,... Hoạt động vận tải, kho bãi, kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng đều có những đóng góp trực tiếp quan trọng trực tiếp vào GDP nhờ giá trị sản xuất gia tăng của chính các ngành, lĩnh vực đó.

- Tác động thúc đẩy, lan tỏa đến các ngành liên quan: Ngành vật liệu xây dựng phát triển mạnh nhờ nhu cầu xây dựng tăng, kéo theo ngành vận tải, logistic, tài chính, bảo hiểm công trình cũng phát triển theo. Đồng thời kích thích thị trường bất động sản là kênh dẫn vốn đầu tư lớn của nền kinh tế (FDI, ngân hàng, người dân), thúc đẩy tín dụng, đầu tư, tài chính, phát triển đô thị,... Vai trò của vận tải, kho bãi đáp ứng nhu cầu vận tải của toàn xã hội, đảm bảo lưu thông hàng hóa, hành khách là điều kiện rất quan trọng để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng cho hầu hết các ngành, lĩnh vực khác của nền kinh tế...

- Tăng năng lực cạnh tranh quốc gia: Việc phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng giúp thu hút FDI, giảm chi phí logistics, tạo điều kiện cho các ngành sản xuất, du lịch, thương mại phát triển mạnh hơn.

- Tạo động lực chuyển đổi công nghệ và phát triển bền vững: thúc đẩy các xu hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi số về công trình xây dựng, hạ tầng giao thông, phương tiện vận tải, tiết kiệm năng lượng, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững; tiếp cận các công nghệ mới, góp phần nâng cao năng suất lao động.

- Tạo nhu cầu lớn cho lao động phổ thông và kỹ sư xây dựng, góp phần giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động.

2. ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP CỦA NGÀNH XÂY DỰNG VÀO GDP CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2025

2.1. Phương pháp và số liệu tính toán

Cách tính đóng góp trực tiếp: Đóng góp trực tiếp thường được tính bằng tổng giá trị gia tăng (Gross Value Added - GVA) của các ngành kinh tế liên quan trực tiếp đến đầu tư hạ tầng giao thông. GVA của một ngành được tính bằng giá trị sản xuất trừ đi chi phí trung gian (nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài). Tổng GVA của các ngành này sẽ là đóng góp trực tiếp vào GDP.

Việc tính toán đóng góp trực tiếp của ngành Xây dựng vào GDP cả nước hoàn toàn dựa vào số liệu thống kê của Cục Thống kê về hoạt động kinh tế theo Hệ thống

ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ. Trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, các mã ngành (hay còn gọi là mã thống kê) được phân chia theo 5 cấp, mỗi cấp là chi tiết hóa của cấp cao hơn (bao gồm 22 mã cấp 1, 87 mã cấp 2, 259 mã cấp 3, 495 mã cấp 4 và 743 mã cấp 5).

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam phân loại các hoạt động kinh tế dựa trên tính chất của hoạt động kinh tế, không phải phân loại theo ngành quản lý. Vì vậy, các hoạt động kinh tế thuộc quyền quản lý của Bộ Xây dựng nằm trong nhiều mã ngành kinh tế khác nhau thuộc cả 5 cấp. Việc lấy số liệu thống kê theo mã cấp 1, 2 hiện nay là khá đầy đủ và có thể thực hiện ngay nhưng cần rất nhiều thời gian để cán bộ thống kê có thể cập số liệu thống kê các mã từ cấp 3 đến cấp 5, thậm chí có mã không có số liệu.

Các số liệu cần thiết cho việc nghiên cứu tính toán từng hoạt động kinh tế bao gồm: Giá trị sản xuất (GO), Giá trị tăng thêm (VA) và Tổng GVA.

2.2. Kết quả tính toán

Kết quả tính toán trong báo cáo được thực hiện theo hai loại giá nhằm phục vụ các mục đích phân tích khác nhau. Giá hiện hành phản ánh quy mô kinh tế tại thời điểm phát sinh, đã bao gồm yếu tố biến động giá, do đó phù hợp để đánh giá quy mô tuyệt đối, tỷ trọng cơ cấu ngành, khả năng huy động nguồn lực và tác động đến cân đối vĩ mô, thu ngân sách. Trong khi đó, giá so sánh (loại trừ yếu tố lạm phát) phản ánh mức tăng thực về khối lượng và hiệu quả sản xuất, là cơ sở để đánh giá tăng trưởng kinh tế thực chất và so sánh qua thời gian.

Các chỉ tiêu trong Bảng 1.1 được tính toán song song theo giá hiện hành và giá so sánh (năm gốc 2010) nhằm phản ánh hai khía cạnh khác nhau nhưng bổ trợ lẫn nhau của tăng trưởng kinh tế. Kết quả tính theo giá hiện hành phản ánh quy mô danh nghĩa của nền kinh tế và của ngành Xây dựng tại từng thời điểm, đã bao gồm tác động của biến động giá và lạm phát; do đó, các chỉ tiêu tăng trưởng theo giá hiện hành thường cao hơn so với giá so sánh, đặc biệt trong bối cảnh mặt bằng giá có xu hướng tăng. Trong khi đó, kết quả tính theo giá so sánh đã loại trừ yếu tố giá, phản ánh mức tăng trưởng thực về khối lượng và hiệu quả sản xuất, là cơ sở thống nhất để xác định tốc độ tăng trưởng GDP (10% năm 2026) và đánh giá đóng góp thực chất của ngành Xây dựng vào tăng trưởng kinh tế.

Việc tỷ trọng VA ngành Xây dựng theo giá so sánh cao hơn so với giá hiện hành không phải là sai lệch số liệu, mà phản ánh thực tế tốc độ tăng trưởng thực của ngành Xây dựng cao hơn mức tăng trưởng bình quân của nền kinh tế, qua đó làm gia tăng tỷ trọng đóng góp của ngành khi loại trừ yếu tố biến động giá. Cách tiếp cận này phù hợp với thông lệ thống kê và phương pháp đánh giá tăng trưởng kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm tính nhất quán giữa mục tiêu tăng trưởng GDP và các chỉ tiêu phân tích trong Đề án.

Bảng 1. Giá trị tăng thêm của các nhóm lĩnh vực ngành xây dựng năm 2026 tương ứng mức tăng trưởng GDP

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2024	2025	Dự kiến 2026	Tăng trưởng 2026/2025
1	GDP cả nước (theo giá hiện hành)	11.510.329	12.847.571	14.604.772	13,7%
2	GDP cả nước (theo giá so sánh 2010)	6.261.036	6.763.098	7.439.505	10,0%
3	VA ngành Xây dựng (theo giá hiện hành)	2.002.224	2.258.130	2.595.022	14,9%
-	Tỷ trọng so với GDP	17,4%	17,6%	17,8%	
4	VA ngành Xây dựng (theo giá so sánh 2010)	1.185.856	1.291.966	1.443.905	11,8%
-	Tỷ trọng so với GDP	18,9%	19,1%	19,4%	

Nguồn: Cục Thống kê, ACST

Theo thông lệ thống kê, mức tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02% được xác định theo giá so sánh, phản ánh tăng trưởng thực của nền kinh tế. Tương tự, kịch bản tăng trưởng GDP năm 2026 đạt 10% cũng được xác định theo giá so sánh. Vì vậy, mặc dù trong tính toán, chúng tôi đưa ra kết quả giá theo cả hiện hành và so sánh nhưng trong tính toán chi tiết, để việc phân tích đồng nhất, tránh nhầm lẫn, chúng tôi sử dụng trình bày theo giá so sánh.

- Năm 2025, ngành Xây dựng tiếp tục giữ vai trò là một trong những ngành đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP của cả đất nước 8,02% . Theo giá so sánh, giá trị tăng thêm (VA) của ngành đạt 1.291.966 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 19,1% GDP. So với năm 2024, VA ngành Xây dựng năm 2025 tăng trưởng khoảng 9,0% theo giá so sánh, cao hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò động lực của ngành trong phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng GDP.

- Năm 2026, tương ứng với kịch bản tăng trưởng GDP 10% theo giá so sánh, ngành Xây dựng được định hướng phải đạt giá trị tăng thêm (VA) khoảng 1.443.905 tỷ đồng, tăng khoảng 11,8% so với năm 2025, cao hơn mức tăng trưởng GDP chung của nền kinh tế. Với kết quả này, tỷ trọng VA ngành Xây dựng trong GDP cả nước dự kiến đạt khoảng 19,4%, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những ngành động lực đóng góp quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng GDP 10% của nền kinh tế năm 2026, trên cơ sở tăng trưởng thực, loại trừ yếu tố biến động giá.

Cơ cấu và kết quả theo nhóm lĩnh vực trong ngành Xây dựng

Trên cơ sở rà soát, nghiên cứu, xem xét góc độ đóng góp trực tiếp cho chỉ tiêu tăng trưởng GDP, ngành xây dựng (các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng) có sự đóng góp vào tăng trưởng GDP cả nước thông qua 4 nhóm hoạt động chính, bao gồm: 1) Hoạt động xây dựng (bao gồm xây dựng công trình giao thông; 2) Hoạt động Vận tải - kho bãi; 3) Hoạt động kinh doanh bất động sản; 4) Các hoạt động khác;

Các hoạt động đóng góp lớn vào tăng trưởng ngành xây dựng gồm 3 lĩnh vực: Xây dựng, Vận tải, kho bãi và Kinh doanh bất động sản. Ba lĩnh vực hoạt động này chiếm tới hơn 80% đóng góp của ngành xây dựng vào GDP cả nước.

Bảng 2. Giá trị tăng thêm của các nhóm lĩnh vực ngành xây dựng năm 2026 tương ứng tăng trưởng GDP 10% tính theo giá so sánh

Đơn vị: tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	2024	2025	Dự kiến 2026	Tăng trưởng 2026/2025
I	GDP cả nước	6.261.036	6.763.098	7.439.505	10,0%
II	VA ngành Xây dựng	1.185.856	1.291.966	1.443.905	11,8%
-	Tỷ trọng so với GDP	18,9%	19,1%	19,4%	
1	Hoạt động xây dựng	411.553	451.150	516.567	14,4%
-	Tỷ trọng trong ngành XD	34,7%	38,0%	43,6%	
2	Hoạt động vận tải, kho bãi	359.867	399.721	448.287	359.867
-	Tỷ trọng trong ngành XD	30,3%	33,7%	37,8%	
3	Hoạt động kinh doanh bất động sản	213.871	223.768	243.248	213.871
-	Tỷ trọng trong ngành XD	18,0%	18,9%	20,5%	
4	Hoạt động khác	200.565	217.326	235.802	200.565
-	Tỷ trọng trong ngành XD	16,9%	18,3%	19,9%	

Nguồn: Cục Thống kê, ACST

1) Hoạt động xây dựng

Hoạt động xây dựng nói chung có đóng góp lớn cho tăng trưởng GDP do mức độ đầu tư lớn cho hạ tầng nhà ở và hạ tầng giao thông (chiếm gần 90%), bao gồm đầu tư công và đầu tư tư nhân.

Năm 2025: Trong cơ cấu nội ngành, hoạt động xây dựng là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất. VA của hoạt động xây dựng đạt 451.150 tỷ đồng theo giá so sánh, chiếm 38,0% VA toàn ngành Xây dựng; mức tăng trưởng so với năm 2024 đạt khoảng 9,6%, phản ánh sự phục hồi rõ nét của đầu tư xây dựng, đặc biệt là xây dựng hạ tầng và nhà ở.

Năm 2026: VA của lĩnh vực này phấn đấu đạt khoảng 516.567 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2025, chiếm khoảng 43,6% VA toàn ngành Xây dựng, phản ánh yêu cầu đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhà ở và các dự án trọng điểm quốc gia. Trong cơ cấu nội ngành, hoạt động xây dựng tiếp tục được xác định là lĩnh vực nòng cốt.

Hoạt động xây dựng tiếp tục giữ vai trò trụ cột và là động lực dẫn dắt tăng trưởng của toàn ngành trong năm 2026. Giá trị gia tăng của hoạt động xây dựng dự kiến đạt khoảng 516,6 nghìn tỷ đồng theo giá so sánh, tăng khoảng 14–15% so với năm 2025, cao hơn mức tăng trưởng chung của ngành xây dựng và của nền kinh tế. Tỷ trọng của hoạt động xây dựng trong tổng giá trị gia tăng của ngành tiếp tục được nâng lên, phản ánh xu hướng đẩy mạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhà ở xã

hội, hạ tầng đô thị và công nghiệp. Kết quả này gắn trực tiếp với việc thúc đẩy giải ngân đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, đồng thời cho thấy vai trò quyết định của lĩnh vực xây dựng trong việc tạo nền tảng vật chất cho tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư xã hội trong giai đoạn 2026–2030.

- Đối với các xây dựng hạ tầng giao thông

Đầu tư công là một yếu tố đặc biệt của ngành xây dựng (chủ yếu cho các dự án hạ tầng giao thông) và có đóng góp quan trọng trực tiếp vào giá trị và tăng trưởng GDP. Mức độ giải ngân đầu tư công có thể đóng góp trực tiếp vào giá trị GDP của ngành xây dựng cũng như của cả nước. Việc đẩy mạnh giải ngân không chỉ giúp kích thích tổng cầu mà còn hỗ trợ các ngành công nghiệp phụ trợ, tạo ra hiệu ứng lan tỏa đối với nền kinh tế.

Năm 2025, Bộ Xây dựng là một trong những bộ, ngành được giao kế hoạch vốn đầu tư công lớn nhất cả nước với tổng số vốn là 83.057 tỷ đồng và tỷ lệ giải ngân đạt 95%.

Năm 2026, theo Kế hoạch đầu tư công năm 2026 được giao tại Quyết định số 2482/QĐ-BXD, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 do Bộ Xây dựng quản lý đạt khoảng 181,6 nghìn tỷ đồng (trong đó 133,84 nghìn tỷ là vốn đầu tư mới, chiếm khoảng 13,45% tổng vốn đầu tư công cả nước¹) với cơ cấu vốn chủ yếu tập trung vào: Các dự án quan trọng quốc gia, đặc biệt là các đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; Các dự án đường bộ cao tốc, quốc lộ trọng điểm có khối lượng thi công lớn; Một số dự án đường sắt, đường thủy và hạ tầng logistics mang tính chiến lược, tạo nền tảng cho tăng trưởng trung và dài hạn.

Việc hoàn thành kế hoạch giải ngân nguồn vốn đầu tư công không lồ này, đặc biệt là việc đưa vào khai thác các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, được xác định là nhiệm vụ then chốt để tạo nền tảng vật chất vững chắc, bảo đảm cho ngành Xây dựng đóng góp hiệu quả vào mục tiêu tăng trưởng GDP 10% của cả nước trong năm 2026. Với giả định tỷ lệ giải ngân đạt từ 95 - 100%, phù hợp với yêu cầu điều hành chung của Chính phủ, quy mô vốn đầu tư công năm 2026 do Bộ Xây dựng quản lý có thể tạo ra khoảng 50 - 55 nghìn tỷ đồng giá trị tăng thêm (VA) trực tiếp trong ngành xây dựng (theo hệ số VA/GO của xây dựng hạ tầng giao thông khoảng 0,28 - 0,32), tương đương khoảng 0,35 - 0,40% GDP cả nước;

Kết quả phân tích cho thấy, bảo đảm tiến độ và hiệu quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 của Bộ Xây dựng là một trong những điều kiện then chốt để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 10% của cả nền kinh tế. Trong đó, việc tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm quốc gia, đẩy nhanh giải ngân các dự án chuyển tiếp có khối lượng thi công lớn đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư, kiểm soát chi phí và chất lượng công trình sẽ quyết định trực tiếp mức đóng góp của hoạt động xây dựng vào tăng trưởng GDP năm 2026, đồng thời tạo dư địa tăng trưởng cho các ngành liên quan trong trung và dài hạn.

¹ Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương năm 2026 vào khoảng 995.348,05 tỷ đồng)

- Đối với hoạt động xây dựng nhà ở:

Các chương trình mục tiêu lớn như Đề án xây dựng 1 triệu nhà ở xã hội giai đoạn đến 2030 với tổng giá trị đầu tư ước tính sơ bộ là 700.000 tỷ đồng (~28,5 tỷ USD). Phần lớn khoản đầu tư này sẽ được tính vào GDP qua tổng đầu tư tư nhân và có thể đóng góp trung bình 0,5 -1,2% GDP mỗi năm trong giai đoạn 2026 - 2030, trực tiếp và gián tiếp. Tuy nhiên, khác với đầu tư công, để huy động được nguồn vốn đầu tư lớn như vậy từ khu vực tư nhân cần phải có nhiều giải pháp, chính sách thu hút đầu tư cũng như tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình đầu tư.

Trong giai đoạn 2021–2025, việc triển khai Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội" đã đạt được những bước tiến quan trọng. Lũy kế đến hết năm 2025, trên địa bàn cả nước đã có các dự án đang triển khai với quy mô khoảng 657.395 căn (đạt khoảng 62% chỉ tiêu tổng thể của Đề án). Trong đó, riêng năm 2025 có 102.633 căn hộ được hoàn thành.

Theo kế hoạch, bước sang năm 2026 - năm đầu tiên thực hiện giai đoạn 2 (giai đoạn 2026 - 2030) của Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội", ngành Xây dựng xác định đây là thời điểm "bản lề" để tạo đà bứt phá. Phấn đấu năm 2026, cả nước hoàn thành trên 110.000 căn nhà ở xã hội (tăng khoảng 15% so với thực hiện năm 2025), qua đó nâng tổng số căn hộ hoàn thành lũy kế lên mức trên 780.000 căn.

Thực tiễn cho thấy, tăng trưởng của ngành Xây dựng phụ thuộc chặt chẽ vào tiến độ đầu tư hạ tầng giao thông và phát triển nhà ở. Trong ngắn hạn, đầu tư công tiếp tục là động lực dẫn dắt; trong trung và dài hạn, việc khơi thông đầu tư tư nhân, đặc biệt trong lĩnh vực nhà ở và bất động sản, sẽ quyết định tính bền vững của tăng trưởng ngành Xây dựng và mức đóng góp của ngành vào GDP cả nước.

2) Hoạt động vận tải, kho bãi

Năm 2025, sản lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 2,77 tỷ tấn và sản lượng vận chuyển hành khách đạt 5,64 tỷ lượt khách, lần lượt tăng 14,7% và 22,4% so với năm 2024, góp phần quan trọng vào chỉ tiêu tăng trưởng chung của đất nước. Giá trị tăng thêm ngành dịch vụ vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải tiếp tục tăng trưởng mạnh, đóng góp khoảng 5,4% trong GDP cả nước và giữ vai trò huyết mạch trong tổng giá trị tăng thêm các ngành kinh tế thuộc quản lý của Bộ Xây dựng. Năm 2025, VA lĩnh vực này đạt 399.721 tỷ đồng theo giá so sánh, chiếm tương ứng 33,7% VA toàn ngành; tăng trưởng 11,1% so với năm 2024, gắn với sự phục hồi của sản xuất, thương mại và nhu cầu logistics.

Năm 2026, để đạt được tăng trưởng GDP của cả nước là 10% thì tổng giá trị gia tăng (VA) của ngành vận tải, kho bãi phải đạt khoảng 448,3 nghìn tỷ đồng theo giá so sánh, duy trì mức tăng trưởng tương đối cao và ổn định tăng khoảng 12,1% so với năm 2025, chiếm khoảng 37,8% VA toàn ngành. Hoạt động vận tải, kho bãi tiếp tục đóng vai trò là lĩnh vực hỗ trợ quan trọng và có tính ổn định cao trong cơ cấu ngành xây dựng. Tỷ trọng của vận tải, kho bãi trong tổng giá trị gia tăng ngành xây dựng tiếp tục được giữ ở mức cao, phản ánh mối liên kết ngày càng chặt chẽ giữa phát triển hạ tầng xây dựng với nhu cầu vận chuyển vật liệu, thiết bị, logistics

công trình và lưu thông hàng hóa. Sự phát triển của lĩnh vực này góp phần giảm chi phí logistics, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng và tạo tính bền vững cho tăng trưởng của toàn ngành. Nhiệm vụ quan trọng hơn của ngành vận tải, kho bãi là phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải tăng 11-12% đối với vận tải hành khách và 12-15% đối với vận tải hàng hóa để đảm bảo tất cả ngành, lĩnh vực kinh tế khác của nền kinh tế cùng đạt được mục tiêu tăng trưởng.

3) Hoạt động kinh doanh bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản tiếp tục khẳng định vị thế là nhóm hoạt động có tỷ trọng đóng góp vào GDP cao thứ ba của ngành Xây dựng. Theo số liệu thống kê, giai đoạn 2022–2025, lĩnh vực này duy trì tỷ trọng đóng góp ổn định trong khoảng từ 3,42% - 3,56% GDP cả nước.

Hoạt động kinh doanh bất động sản năm 2025 đạt VA 448.273 tỷ đồng theo giá hiện hành và 223.768 tỷ đồng theo giá so sánh, chiếm 22,4% và 18,9% VA toàn ngành Xây dựng. So với năm 2024, lĩnh vực này tăng trưởng khoảng 11,5% theo giá hiện hành và 4,6% theo giá so sánh, cho thấy xu hướng phục hồi còn thận trọng nhưng đã có cải thiện so với giai đoạn trước. Thị trường bất động sản Việt Nam năm 2025 đã ghi nhận đà phục hồi và tăng trưởng rõ nét nhờ tâm lý nhà đầu tư được củng cố, mặt bằng lãi suất vay giảm và thanh khoản gia tăng trên các phân khúc chính. Đây cũng là năm hiện thực hóa các dòng vốn lớn, bao gồm việc triển khai mạnh mẽ các dự án FDI (với tổng vốn đăng ký đạt 25,4 tỷ USD từ năm 2024) và sự lan tỏa tích cực từ dòng vốn đầu tư công kỷ lục. Các dự án bất động sản đã và đang được hưởng lợi trực tiếp khi hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược được hoàn thiện và đưa vào khai thác đồng bộ.

Năm 2026 mục tiêu của Hoạt động kinh doanh bất động sản là đạt VA khoảng 243.248 tỷ đồng, tăng khoảng 8,7% so với năm 2025, chiếm khoảng 20,5% VA toàn ngành, gắn với yêu cầu phục hồi bền vững thị trường bất động sản, kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng tăng trưởng.

4) Hoạt động khác

Nhóm các hoạt động khác thuộc ngành Xây dựng bao gồm các lĩnh vực có vai trò hỗ trợ và lan tỏa, như sản xuất vật liệu xây dựng (đặc biệt là xi măng, vật liệu xây không nung), tư vấn xây dựng, khảo sát - thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ kỹ thuật xây dựng và các hoạt động phụ trợ liên quan.

Năm 2025, theo giá so sánh, giá trị tăng thêm của nhóm lĩnh vực này đạt 217.326 tỷ đồng, tăng khoảng 8,4% so với năm 2024, chiếm khoảng 18,3% giá trị tăng thêm toàn ngành Xây dựng. Kết quả này phản ánh sự phục hồi từng bước của thị trường vật liệu xây dựng và các dịch vụ hỗ trợ, trong đó ngành xi măng và vật liệu xây dựng cơ bản đã dần ổn định sản xuất, tiêu thụ gắn với tiến độ đầu tư hạ tầng và xây dựng nhà ở, dù vẫn chịu áp lực về chi phí, dư cung cục bộ và cạnh tranh gay gắt.

Năm 2026, nhóm các hoạt động khác được xác định là trụ đỡ quan trọng bảo đảm tính bền vững và chiều sâu của tăng trưởng ngành Xây dựng. Theo giá so sánh, nhóm này đạt mục tiêu đạt giá trị tăng thêm khoảng 235.802 tỷ đồng, tăng khoảng

8,5% so với năm 2025, nâng tỷ trọng lên khoảng 19,9% trong cơ cấu giá trị tăng thêm toàn ngành. Để đạt được mục tiêu này, trọng tâm nhiệm vụ là ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là xi măng theo hướng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời phát triển các dịch vụ tư vấn, thiết kế, quản lý dự án và ứng dụng công nghệ số trong xây dựng, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của tăng trưởng toàn ngành.

3. ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP CỦA NGÀNH XÂY DỰNG VÀO GDP

Bên cạnh đóng góp trực tiếp, ngành Xây dựng có tác động gián tiếp rất lớn và mang tính lan tỏa mạnh tới GDP của các ngành, lĩnh vực khác thông qua các mối liên kết đầu vào – đầu ra trong nền kinh tế. Các hoạt động xây dựng, vận tải – kho bãi, kinh doanh bất động sản và sản xuất vật liệu xây dựng không chỉ tạo ra giá trị tăng thêm cho bản thân ngành mà còn thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng, đầu tư và năng suất của nhiều ngành liên quan như công nghiệp chế biến, tài chính, thương mại, logistics và dịch vụ đô thị.

Do hạn chế về số liệu và thời gian, đóng góp gián tiếp được ước lượng trên cơ sở tổng hợp kết quả từ các nghiên cứu sử dụng mô hình liên ngành (Input-Output) của các tổ chức trong và ngoài nước. Kết quả cho thấy đóng góp gián tiếp của ngành Xây dựng có thể đạt khoảng 1,2 - 1,8 lần mức đóng góp trực tiếp, trong đó phần tác động gián tiếp ngoài nhóm (sau khi loại trừ tương tác nội bộ giữa các nhóm hoạt động) ước khoảng 3 - 5% GDP. Điều này khẳng định vai trò nền tảng và tính chất “ngành hạt nhân tăng trưởng” của ngành Xây dựng, không chỉ đối với tăng trưởng GDP trước mắt mà còn đối với tăng trưởng dài hạn, đô thị hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Năm 2025, khi tính theo giá so sánh, đóng góp trực tiếp của các hoạt động thuộc ngành Xây dựng đạt khoảng 19,1% GDP. Khi cộng thêm đóng góp gián tiếp ngoài ngành (C) theo khung ước tính cũ, tổng (A+C) của toàn ngành tương ứng khoảng 23,2%–24,3% GDP.

Năm 2026, theo giá so sánh, đóng góp trực tiếp của ngành Xây dựng dự kiến đạt khoảng 19,4% GDP; khi cộng thêm phần gián tiếp ngoài ngành (C) theo khung ước tính cũ, tổng (A+C) ước khoảng 23,5%-24,6% GDP.

Bảng 3. Tổng hợp đóng góp trực tiếp và gián tiếp của ngành Xây dựng vào GDP năm 2026 (% , giá so sánh)

TT	Nhóm/lĩnh vực	Đóng góp trực tiếp (A)	Đóng góp gián tiếp ngoài ngành (C)	Tổng đóng góp (A+C)
1	Hoạt động xây dựng	6,9	1,3 - 1,5	8,2 - 8,4
2	Hoạt động vận tải, kho bãi	6,0	1,2 - 1,4	7,2 - 7,4
3	Hoạt động kinh doanh bất động sản	3,3	0,5 - 0,8	3,8 - 4,1
4	Hoạt động khác	3,2	0,1 - 0,3	3,3 - 3,5
	Tổng ngành Xây dựng	19,4	4,1 - 5,2	23,5 - 24,6

Nguồn: ACST

Tổng hợp các kết quả tính toán cho thấy, trong kịch bản tăng trưởng GDP năm 2026 đạt 10% theo giá so sánh, ngành Xây dựng tiếp tục giữ vai trò là một trong những trụ cột và động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế. Đóng góp trực tiếp của ngành vào GDP cả nước ước đạt khoảng 19,4%, phản ánh mức tăng trưởng thực cao hơn bình quân chung và cho thấy năng lực dẫn dắt của các hoạt động xây dựng, vận tải – kho bãi, bất động sản và các lĩnh vực hỗ trợ. Đồng thời, thông qua các mối liên kết liên ngành và hiệu ứng lan tỏa, đóng góp gián tiếp ngoài ngành của ngành Xây dựng ước đạt thêm 4,1–5,2% GDP, qua đó nâng tổng mức đóng góp trực tiếp và gián tiếp của ngành vào GDP quốc gia lên khoảng 23,5 - 24,6%.

Kết quả này khẳng định vai trò nền tảng và tính chất “ngành hạt nhân tăng trưởng” của ngành Xây dựng, không chỉ trong việc tạo ra giá trị tăng thêm trực tiếp mà còn trong việc kích hoạt đầu tư xã hội, thúc đẩy đô thị hóa, nâng cao năng suất và mở rộng không gian tăng trưởng bền vững của nền kinh tế trong trung và dài hạn.

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CỤ THỂ CHO CÁC LĨNH VỰC CHÍNH CỦA NGÀNH XÂY DỰNG GẮN VỚI ĐỊNH HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ GIA TĂNG NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2026

4.1. Nhiệm vụ tổng thể cả năm 2026

1) Hoạt động xây dựng

Tập trung triển khai và giải ngân hiệu quả vốn đầu tư công năm 2026, với tổng mức vốn được phân bổ kỷ lục là 133.842 tỷ đồng. Đây là năm đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030, nên mục tiêu giải ngân tối thiểu là 95%, tương đương hơn 127.150 tỷ đồng, đặc biệt ưu tiên cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như đẩy nhanh tiến độ thi công Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, hoàn thiện trục cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đầu tư đồng bộ hệ thống đường ven biển, Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, đưa vào khai thác CHKQT Long Thành...

Đồng thời, quyết tâm hoàn thành tối thiểu 110.000 căn nhà ở xã hội trong năm 2026 theo Đề án 1 triệu căn hộ giai đoạn 2021-2030.

2) Hoạt động vận tải, kho bãi

Lĩnh vực vận tải phải tăng trưởng 12% về sản lượng hành khách, 14% về sản lượng hàng hóa so với 2025.

Vận tải hàng hóa tăng đảm nhận khoảng 3,4 tỷ tấn năm 2026: đường bộ đảm nhận 2,46 tỷ tấn, tăng 11,8%; đường sắt đảm nhận 6,2 triệu tấn, tăng 12,7%; đường thủy nội địa đảm nhận 672 triệu tấn, tăng 12%; đường biển đảm nhận 171 triệu tấn, tăng 14%; hàng không đảm nhận khoảng 560 ngàn tấn, tăng 12%.

Tổng sản lượng vận tải hành khách năm 2026 sẽ đạt khoảng 6,1 tỷ lượt, tăng trưởng khoảng 11% so với năm 2025, trong đó đường bộ đảm nhận 5,66 tỷ lượt, tăng 11%; đường sắt đảm nhận 8,6 triệu lượt tăng 11,6%; đường thủy nội địa đảm nhận 424 triệu lượt tăng 6%; hàng không khoảng 68 triệu lượt tăng 13,3%.

3) Hoạt động bất động sản

Mục tiêu cần đạt: Tổng giá trị gia tăng phần đầu đạt khoảng 480 - 520 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 11 - 12% so với năm 2025. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 45% (theo NQ 01/NQ-CP). Diện tích sàn nhà ở xây dựng mới khoảng 115 - 125 triệu m² (gồm nhà ở xã hội, thương mại); Số dự án đô thị mới, khu nhà ở được tháo gỡ pháp lý và triển khai khoảng 600 - 800 dự án (các tỉnh, đô thị lớn); Số lượng nhà ở xã hội phần đầu hoàn thành trên 110.000 căn nhà (phù hợp Đề án 1 triệu căn hộ).

Các giải pháp đi kèm: Đẩy mạnh đầu tư công, tập trung vào các dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, tạo quỹ đất và động lực phát triển đô thị mới; Triển khai hiệu quả Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi, năm 2023).

Điều tiết tín dụng linh hoạt, vừa kiểm soát rủi ro vừa hỗ trợ thị trường bất động sản phát triển lành mạnh (Gói tín dụng 120.000 tỷ); Phát triển đa dạng phân khúc, ưu tiên nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, nhà cho thuê dài hạn và bất động sản công nghiệp.

4) Hoạt động khác

Sản xuất-tiêu thụ xi măng: Năm 2026, dự kiến sản lượng tiêu thụ xi măng toàn ngành đạt khoảng 105 - 110 triệu tấn, tăng 8-10% so với năm 2025. Trong đó, tiêu thụ nội địa phục vụ các dự án trọng điểm quốc gia chiếm tỷ trọng lớn, ước đạt 70 - 75 triệu tấn và xuất khẩu duy trì ở mức 30 - 35 triệu tấn.

- Về hiệu quả sản xuất: Giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng (mức tiêu hao nhiệt dưới 730 kcal/kg clinker). Tăng tỷ lệ sử dụng phụ gia, tro xỉ, chất thải công nghiệp trong sản xuất xi măng. 100% dây chuyền clinker có công suất trên 2.500 tấn/ngày phải được trang bị hệ thống tận dụng nhiệt khí thải.

- Về công nghệ: 100% nhà máy sử dụng công nghệ lò quay hiện đại. Thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số, tự động hóa, hệ thống điều khiển tập trung.

- Về bảo vệ môi trường: Tất cả các cơ sở sản xuất xi măng phải đạt tiêu chuẩn khí thải hiện hành. Tỷ lệ thu hồi và sử dụng nhiệt thải để phát điện đạt ít nhất 25-30% tổng số nhà máy.

Bảng 4. Tổng hợp các nhiệm vụ, chỉ tiêu cần thực hiện đối với các lĩnh vực chính của Ngành Xây dựng để đảm bảo tăng trưởng GDP 10% năm 2026

TT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ 2026	Ghi chú
1	Đầu tư công	Tập trung triển khai và giải ngân tối thiểu là 95% vốn đầu tư công năm 2026, khoảng 133.842 tỷ đồng (bao gồm cả vốn bảo trì). Đặc biệt ưu tiên cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, hoàn thiện cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc Biên Hoà-Vũng Tàu, cao tốc Mỹ	

TT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ 2026	Ghi chú
		Thuận - Cần Thơ, Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, khai thác CHKQT Long Thành.	
2	Hoạt động bất động sản	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị gia tăng phần đầu đạt khoảng 480 - 520 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 11 - 12% so với năm 2025. - Tỷ lệ đô thị hóa đạt 45% (theo NQ 01/NQ-CP). - Phần đầu hoàn thành trên 110.000 căn nhà ở xã hội theo Đề án 1 triệu căn hộ; tháo gỡ pháp lý cho 600 - 800 dự án đô thị. 	
3	Đối với lĩnh vực vận tải:	<p>Vận tải hàng hóa: Tổng sản lượng vận tải hàng hóa năm 2026 đạt 3,4 tỷ tấn, tăng trưởng khoảng 12 - 14% so với 2025, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường bộ đảm nhận 2,46 tỷ tấn, tăng 11,8%; + Đường sắt đảm nhận 6,2 triệu tấn, tăng 12,7%; + Đường thủy nội địa đảm nhận 672 triệu tấn, tăng 12%; + Đường biển đảm nhận 171 triệu tấn, tăng 14%; + Hàng không đảm nhận khoảng 560 ngàn tấn, tăng 12%. <p>Vận tải hành khách: Tổng sản lượng vận tải hành khách năm 2026 sẽ đạt khoảng 6,1 tỷ lượt, tăng trưởng khoảng 11% so với năm 2025, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường bộ đảm nhận 5,66 tỷ lượt, tăng 11%; + Đường sắt đảm nhận 8,6 triệu lượt tăng 11,6%; + Đường thủy nội địa đảm nhận 424 triệu lượt tăng 6%; + Hàng không khoảng 68 triệu lượt tăng 13,3%. 	
4	Sản xuất, tiêu thụ xi măng	<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực sản xuất/ sản lượng: Tổng giá trị gia tăng đạt khoảng 146.500 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2025. Tiêu thụ xi măng toàn ngành đạt 105 - 110 triệu tấn, trong đó xuất khẩu duy trì 30 - 35 triệu tấn. Đẩy mạnh vật liệu xanh và giảm tỷ lệ clinker. - Giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng (mức tiêu hao nhiệt dưới 730 kcal/kg clinker). Tăng tỷ lệ 	

TT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ 2026	Ghi chú
		<p>sử dụng phụ gia, tro xỉ, chất thải công nghiệp trong sản xuất xi măng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% dây chuyền clinker có công suất trên 2.500 tấn/ngày phải được trang bị hệ thống tận dụng nhiệt khí thải. - Về công nghệ: 100% nhà máy sử dụng công nghệ lò quay hiện đại. Thúc đẩy ứng dụng chuyên đổi số, tự động hóa, hệ thống điều khiển tập trung. - Về bảo vệ môi trường: Tất cả các cơ sở sản xuất xi măng phải đạt tiêu chuẩn khí thải hiện hành. Tỷ lệ thu hồi và sử dụng nhiệt thải để phát điện đạt ít nhất 25–30% tổng số nhà máy. 	

Nguồn: ACST

4.2. Phân kỳ nhiệm vụ theo từng quý

1) Phân bổ theo chỉ tiêu giá trị gia tăng (VA theo quý)

Việc phân kỳ mục tiêu theo quý năm 2026 cho thấy tăng trưởng của ngành Xây dựng được bố trí theo lộ trình hợp lý, phản ánh đúng chu kỳ triển khai đầu tư và hoạt động sản xuất - kinh doanh của các nhóm lĩnh vực trong ngành. Quý I chiếm tỷ trọng thấp nhất trong năm, chủ yếu do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, thời gian chuẩn bị đầu tư, hoàn tất thủ tục và khởi động lại hoạt động thi công, giải ngân sau năm kế hoạch trước. Đây là giai đoạn có ý nghĩa tạo nền, quyết định khả năng tăng tốc ở các quý tiếp theo.

Sang Quý II và Quý III, giá trị gia tăng của ngành Xây dựng tăng dần và duy trì ở mức cao hơn, phản ánh giai đoạn cao điểm của hoạt động thi công xây dựng, gia tăng nhu cầu vận tải, kho bãi phục vụ công trình và sự phục hồi dần của thị trường bất động sản. Trong giai đoạn này, hoạt động xây dựng và vận tải, kho bãi tiếp tục đóng vai trò chủ lực, tạo động lực tăng trưởng chính, đồng thời các lĩnh vực còn lại phát triển tương đối đồng đều, góp phần ổn định cơ cấu tăng trưởng của toàn ngành.

Quý IV giữ vai trò then chốt trong việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm 2026, với quy mô giá trị gia tăng lớn nhất trong năm. Đây là giai đoạn tập trung hoàn thành khối lượng thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và ghi nhận kết quả sản xuất, kinh doanh của các lĩnh vực liên quan. Việc phân bổ tỷ trọng cao cho Quý IV phản ánh đúng thực tiễn điều hành những năm gần đây, đồng thời đặt ra yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ tiến độ ngay từ các quý đầu năm nhằm hạn chế rủi ro dồn áp lực vào cuối kỳ.

Tổng thể, bảng phân kỳ theo quý cho thấy tăng trưởng ngành Xây dựng năm 2026 được thiết kế theo hướng chủ động, có trọng tâm và phù hợp với đặc thù của từng nhóm lĩnh vực, tạo cơ sở thuận lợi cho công tác theo dõi, giám sát và điều hành tăng trưởng trong năm kế hoạch.

Bảng 5. Phân kỳ mục tiêu VA theo quý năm 2026 của ngành Xây dựng (giá so sánh)

Đơn vị: tỷ đồng,

TT	Chỉ tiêu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
	Tổng VA ngành xây dựng	259.903	317.659	360.976	505.367	1.443.905
	<i>- Tỷ lệ phân bổ theo quý</i>	<i>18%</i>	<i>22%</i>	<i>25%</i>	<i>35%</i>	<i>100%</i>
1	Hoạt động xây dựng	93.545	113.645	129.142	184.235	516.567
2	Vận tải, kho bãi	80.692	98.623	112.072	156.900	448.287
3	Kinh doanh bất động sản	43.785	53.514	60.812	85.137	243.248
4	Các hoạt động khác	41.882	51.876	58.950	83.094	235.802

Bảng phân kỳ mục tiêu theo quý năm 2026 của ngành Xây dựng được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa quy mô giá trị gia tăng cả năm, tỷ lệ phân bổ theo quý và cơ cấu nội ngành theo từng nhóm lĩnh vực, nhằm phục vụ trực tiếp công tác theo dõi, giám sát và điều hành tăng trưởng trong năm. Việc áp dụng tỷ lệ phân bổ 18% cho Quý I, 22% cho Quý II, 25% cho Quý III và 35% cho Quý IV phản ánh đúng đặc điểm mùa vụ và chu kỳ triển khai các dự án xây dựng, trong đó Quý IV giữ vai trò quyết định đối với việc hoàn thành mục tiêu cả năm.

Trên cơ sở tổng giá trị gia tăng toàn ngành, cơ cấu phân bổ theo nhóm lĩnh vực được xác định theo tỷ trọng ổn định trong năm, qua đó vừa phản ánh vai trò tương đối của từng lĩnh vực, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho công tác theo dõi tiến độ theo quý. Hoạt động xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất, giữ vai trò dẫn dắt tăng trưởng trong tất cả các quý, phản ánh vai trò trụ cột của lĩnh vực này trong việc tạo nền tảng vật chất cho phát triển kinh tế. Hoạt động vận tải, kho bãi duy trì tỷ trọng cao và ổn định, thể hiện mối liên kết chặt chẽ với hoạt động xây dựng và vai trò hỗ trợ quan trọng trong chuỗi giá trị của ngành. Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác chiếm tỷ trọng thấp hơn nhưng ổn định, góp phần tạo nền tảng và độ bền cho tăng trưởng chung của ngành.

Cách trình bày bảng theo hướng gộp chung, kết hợp cả giá trị tuyệt đối và tỷ lệ phân bổ, cho phép đánh giá đồng thời ba khía cạnh: quy mô tăng trưởng theo từng quý, tiến độ thực hiện mục tiêu năm và sự ổn định của cơ cấu nội ngành. Đây là cơ sở quan trọng để phục vụ báo cáo điều hành theo quý, đánh giá lũy kế 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2026, đồng thời hạn chế rủi ro do biến động cơ cấu ngắn hạn trong quá trình triển khai.

2) Phân bổ theo chỉ tiêu sản lượng (sản lượng theo quý)

Việc phân bổ chỉ tiêu sản lượng theo quý được xây dựng trên cơ sở bám sát

đặc điểm triển khai thực tế của từng lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với phân kỳ giá trị gia tăng của ngành nhưng có điều chỉnh theo độ trễ và thời điểm ghi nhận sản lượng. Cách tiếp cận này cho phép theo dõi sát tiến độ thực hiện, phát hiện sớm rủi ro dồn việc vào cuối năm và nâng cao hiệu quả điều hành tăng trưởng.

Việc phân bổ các chỉ tiêu sản lượng theo quý năm 2026 được xây dựng trên cơ sở gắn chặt với phân kỳ giá trị gia tăng của ngành Xây dựng, đồng thời có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm triển khai và thời điểm ghi nhận kết quả thực tế của từng lĩnh vực. Đối với hoạt động xây dựng, chỉ tiêu giải ngân đầu tư công được phân bổ theo hướng dồn mạnh vào Quý III và đặc biệt là Quý IV, phản ánh thực tế tiến độ thi công, nghiệm thu và thanh toán khối lượng thường tập trung vào cuối năm. Cách phân bổ này vừa bám sát thực tiễn, vừa tạo áp lực điều hành để đẩy nhanh giải ngân ngay từ nửa đầu năm, hạn chế tình trạng dồn khối lượng quá lớn vào giai đoạn cuối.

Đối với lĩnh vực vận tải, sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách được phân bổ tương đối đều giữa các quý, chỉ tăng dần về cuối năm, phù hợp với tính chất phản ánh nhu cầu thực của nền kinh tế và mức độ phụ thuộc thấp hơn vào yếu tố tài chính. Cách phân bổ này giúp chỉ tiêu vận tải đóng vai trò là thước đo ổn định, hỗ trợ đánh giá nhịp độ hoạt động kinh tế chung và mức độ lan tỏa của đầu tư xây dựng sang các ngành dịch vụ liên quan.

Đối với xây dựng nhà ở và kinh doanh bất động sản, chỉ tiêu số căn nhà ở xã hội hoàn thành được phân bổ với tỷ trọng rất lớn vào Quý IV, phản ánh đúng đặc điểm ghi nhận sản lượng theo thời điểm bàn giao, nghiệm thu công trình. Việc xác định rõ phân bổ này ngay từ đầu năm giúp công tác theo dõi tập trung vào tiến độ triển khai và khả năng hoàn thành mục tiêu cả năm, tránh đánh giá sai lệch khi số lượng căn hoàn thành trong nửa đầu năm còn thấp.

Đối với các hoạt động khác, sản lượng xi măng được phân bổ tăng dần từ Quý II đến Quý IV, bám sát tiến độ thi công thực tế của các công trình xây dựng và hạ tầng. Chỉ tiêu này có ý nghĩa quan trọng trong việc theo dõi sức cầu vật liệu xây dựng và mức độ lan tỏa của hoạt động xây dựng đối với ngành công nghiệp vật liệu.

Bảng 6. Phân bổ chỉ tiêu sản lượng theo quý năm 2026 theo các nhóm lĩnh vực

Nhóm lĩnh vực	Chỉ tiêu theo dõi	Đơn vị	Cả năm 2026	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
Hoạt động xây dựng	Giải ngân đầu tư công	nghìn tỷ đồng	133,5	20,0 (15%)	26,7 (20%)	33,4 (25%)	53,4 (40%)
Xây dựng nhà ở	Nhà ở xã hội hoàn thành	căn	110.000	11.000 (10%)	22.000 (20%)	27.500 (25%)	49.500 (45%)
Vận tải	Sản lượng vận tải hàng hóa	tỷ tấn	3,4	0,75 (22%)	0,82 (24%)	0,88 (26%)	0,95 (28%)
	Sản lượng vận tải hành khách	tỷ lượt	6,1	1,40 (23%)	1,53 (25%)	1,53 (25%)	1,65 (27%)

Nhóm lĩnh vực	Chỉ tiêu theo dõi	Đơn vị	Cả năm 2026	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
Các hoạt động khác	Sản lượng xi măng	triệu tấn	120	24,0 (20%)	27,6 (23%)	32,4 (27%)	36,0 (30%)

Ghi chú: Tỷ lệ phân bổ theo quý được xác định phù hợp với đặc điểm triển khai thực tế và thời điểm ghi nhận sản lượng của từng lĩnh vực; số liệu quý là sản lượng mục tiêu, phục vụ theo dõi và điều hành trong năm.

5. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ NGÀNH XÂY DỰNG ĐÓNG GÓP HIỆU QUẢ VÀO TĂNG TRƯỞNG GDP CẢ NƯỚC 10% NĂM 2026

5.1. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Để thực hiện hiệu quả các nhóm nhiệm vụ nhằm đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 10% năm 2026 và tạo tiền đề phát triển bền vững các năm tiếp theo, Bộ Xây dựng cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1) Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế chung

- Đổi mới công tác xây dựng pháp luật: Tiếp tục đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị.

- Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực xây dựng, hạ tầng, đô thị, vật liệu, vận tải và bất động sản; đảm bảo đồng bộ, minh bạch, tạo môi trường đầu tư thuận lợi và thông thoáng cho doanh nghiệp.

- Ưu tiên xây dựng, sửa đổi và trình Quốc hội ban hành các luật trọng điểm như: Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Cấp, thoát nước, Luật Hàng không dân dụng, Bộ luật Hàng hải, Luật Đường thủy nội địa, theo hướng: (1) Tiếp tục tạo đột phá mạnh mẽ hơn để tạo môi trường thực sự thuận lợi để thu hút các nguồn lực, nhất là nguồn lực của doanh nghiệp và trong các lĩnh vực có tính lan tỏa cao; (2) Tháo gỡ ngay những nút thắt, vướng mắc của nhiều dự án để giải phóng nguồn lực.

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, pháp luật bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), nhất là trong các lĩnh vực quản lý đô thị, đầu tư xây dựng.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù, nhất là với các dự án đầu tư lớn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, bao gồm các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, tiếp cận thị trường.

- Rà soát, tổng kết việc áp dụng các cơ chế thí điểm đã được Quốc hội, Chính phủ cho phép triển khai và đề xuất mở rộng hoặc thể chế hóa thành chính sách chung, phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các Luật, Nghị quyết đã được Quốc hội thông qua trong năm 2023–2025, bảo đảm hiệu lực thực thi trên thực tế, đặc biệt là trong lĩnh vực nhà ở xã hội, quản lý đô thị, hạ tầng kỹ thuật.

- Xây dựng khung pháp lý cho mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) để khai thác hiệu quả quỹ đất vùng phụ cận các nhà ga đường sắt, nút giao cao tốc, tạo nguồn thu tái đầu tư cho hạ tầng.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động vận tải, xây dựng và phát triển hạ tầng nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng tính cạnh tranh lành mạnh và công bằng trong thị trường dịch vụ công.

2) Nhóm giải pháp thúc đẩy hoạt động xây dựng

- Đẩy mạnh giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư công trong lĩnh vực xây dựng. Đây là giải pháp then chốt, đóng vai trò quan trọng nhất cho toàn ngành. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính và địa phương đảm bảo giải ngân tối thiểu 95% tổng vốn đầu tư công kỷ lục được giao năm 2026 (133.842 tỷ đồng), ưu tiên tuyệt đối cho các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, trong đó tập trung cho các dự án chuyển tiếp, dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị: dự án phát triển vùng động lực (Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Biên Hoà - Vũng Tàu...); hoàn thành mục tiêu xây dựng đường bộ cao tốc, các tuyến đường bộ ven biển; nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường cao tốc phân kỳ theo quy mô quy hoạch; cơ bản hoàn thành xây dựng và khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các cảng biển khu vực Lạch Huyện; thi công tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng,....).

- Xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết năm; thiết lập cơ chế giám sát tiến độ theo tháng, quý; thực hiện điều hòa, điều chuyển vốn linh hoạt giữa các dự án có khả năng giải ngân nhanh và các dự án chậm tiến độ; Rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế, dự toán, đấu thầu và nghiệm thu theo hướng tinh gọn, minh bạch, đẩy nhanh tiến độ và giảm chi phí không chính thức; Phát huy hiệu quả hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, đấu thầu điện tử và công cụ theo dõi dự án thời gian thực; Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực của các nhà thầu, đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát thi công; công bố công khai các nhà thầu không đủ năng lực hoặc vi phạm tiến độ, chất lượng để sàng lọc. Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả đầu tư các công trình sau khi đưa vào sử dụng để nâng cao trách nhiệm và hiệu quả đầu tư công; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý tiến độ, chất lượng công trình, kiểm tra hiện trường bằng hình ảnh, dữ liệu số hóa và phần mềm định vị; Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành để tháo gỡ khó khăn cho các dự án quan trọng quốc gia và công trình cấp bách.

- Đẩy mạnh chương trình nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở thương mại giá hợp lý nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và ổn định thị trường. Tập trung ưu tiên nguồn vốn tín dụng hỗ trợ lãi suất cho các dự án trọng điểm, đồng

thời rà soát quy hoạch để đảm bảo quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội tại các khu công nghiệp và đô thị, đáp ứng nhu cầu an cư của người lao động.

- Mở rộng không gian phát triển xây dựng theo hướng đô thị hóa bền vững. Gắn các hoạt động đầu tư xây dựng với các chương trình phát triển đô thị, đặc biệt là đô thị nén, đô thị vệ tinh, đô thị ven biển. Thúc đẩy phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ để đáp ứng yêu cầu của tỷ lệ đô thị hóa mục tiêu đạt tối thiểu 45% năm 2026, qua đó lan tỏa động lực phát triển tới khu vực nông thôn, miền núi, góp phần cân bằng phát triển vùng.

- Đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng: Xác định rõ vai trò của PPP trong thu hút đầu tư hạ tầng, Bộ cần phối hợp chặt với Bộ Tài chính để rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong triển khai các dự án PPP, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị đang bị chậm tiến độ hoặc vướng cơ chế tài chính; Coi khó khăn của doanh nghiệp cũng là khó khăn của ngành, từ đó chủ động thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ giữa Bộ Xây dựng và các doanh nghiệp xây dựng, nhà thầu, hiệp hội ngành nghề để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ; Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các gói bảo lãnh tín dụng, quỹ đầu tư công nghệ, chương trình tín dụng xanh, các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, đặc biệt là trong thi công công trình hạ tầng, xây dựng công trình nông thôn, miền núi, công trình ngầm và giao thông đô thị.

- Tăng cường giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư và đóng góp của hoạt động xây dựng. Xây dựng hệ thống giám sát các chỉ tiêu: sản lượng xây dựng theo từng nhóm công trình (nhà ở, hạ tầng, công nghiệp...), giá trị tăng thêm, tỷ lệ giải ngân, số lượng công trình hoàn thành đúng hạn, tỷ lệ sử dụng vật liệu xanh... Tăng cường báo cáo định kỳ để phục vụ chỉ đạo điều hành của Bộ trưởng và đánh giá đóng góp thực chất vào tăng trưởng GDP.

3) Nhóm giải pháp thúc đẩy hoạt động vận tải, kho bãi

- Tăng cường quản lý hoạt động vận tải, đảm bảo tăng trưởng ổn định 2 con số gắn với việc cắt giảm mạnh mẽ thủ tục hành chính, giảm phí lệ phí, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp để đạt chỉ tiêu sản lượng năm 2026: hàng hóa đạt trên 3,4 tỷ tấn (tăng 12-14%), hành khách đạt trên 6,1 tỷ lượt người (tăng 10-12%). Đảm bảo vận tải thông suốt, an toàn, giá hợp lý, bảo đảm chất lượng dịch vụ trên toàn quốc. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu thị phần vận tải theo hướng ưu tiên phát triển các phương thức vận tải khối lượng lớn, chi phí thấp và thân thiện với môi trường như đường sắt và đường thủy nội địa, giảm áp lực cho đường bộ. Tổ chức thị trường vận tải hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa cao: vận tải container, vật liệu xây dựng, nông sản, hàng nguy hiểm... Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vận tải chuyên tuyến, vận tải xuyên biên giới, đặc biệt là các tuyến đến Trung Quốc, Lào và Campuchia.

- Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức, vận tải hàng hoá qua biên giới, kết nối hiệu quả giữa các phương thức vận tải khác nhau nhằm giảm chi phí logistics, đặc biệt đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chú trọng phát triển các cảng

cạn, trung tâm phân phối hàng hóa hiện đại tại các hành lang vận tải trọng điểm. Khuyến khích, hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp vận tải hàng hoá đa phương thức có quy mô lớn, có khả năng thực hiện các chuỗi vận tải hoàn chỉnh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong lĩnh vực vận tải: ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và khai thác hạ tầng giao thông, bao gồm việc triển khai hệ thống giao thông thông minh, sử dụng trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật và dữ liệu lớn để tối ưu hóa vận hành và nâng cao an toàn giao thông. Hình thành sàn giao dịch vận tải hàng hóa nhằm tăng tính minh bạch, hiệu quả trong việc kết nối cung và cầu dịch vụ vận tải, tối ưu hóa năng lực của các phương tiện và giảm chi phí vận hành. Khuyến khích sử dụng phương tiện vận tải thân thiện với môi trường nhằm giảm phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường. Ban hành lộ trình, tiêu chuẩn kỹ thuật về “cảng xanh”, “phương tiện xanh”; có chính sách ưu đãi thuế, phí cho doanh nghiệp chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng sạch.

- Mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ xây dựng, vận tải và logistics: Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng Việt Nam tham gia đấu thầu các dự án nước ngoài (nhất là ở Lào, Campuchia, châu Phi); Kêu gọi FDI trong các lĩnh vực liên quan đến xây dựng công nghiệp, năng lượng tái tạo, logistic,... Phát triển thị trường xây dựng dân dụng ở nông thôn, vùng sâu vùng xa thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia. Hỗ trợ doanh nghiệp (hàng hải, hàng không) đẩy mạnh liên kết, đầu tư phát triển dịch vụ vận tải ra nước ngoài để cung ứng chuỗi dịch vụ vận tải hàng hoá nội địa và quốc tế với giá thành hợp lý, chất lượng cao.

- rà soát các điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực vận tải – kho bãi để đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa, tránh chồng chéo, tăng hiệu quả và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Xây dựng chính sách hỗ trợ thí điểm mô hình trung tâm logistics liên kết vùng, mô hình “doanh nghiệp vận tải xanh”, tạo động lực chuyển đổi cơ cấu phương tiện và chất lượng dịch vụ.

- Tăng cường phối hợp và điều phối liên ngành – liên vùng: Đề xuất thiết lập cơ chế phối hợp giữa Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để triển khai thống nhất quy hoạch, đầu tư, quản lý và giám sát vận tải, logistics, kho bãi. Hình thành nhóm công tác điều phối logistics vùng với cơ chế báo cáo định kỳ Hội đồng vùng.

4) Nhóm giải pháp thúc đẩy phục hồi và phát triển thị trường bất động sản bền vững

Phát triển ổn định và bền vững thị trường bất động sản là nhân tố quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ các ngành liên quan như xây dựng, tài chính, vật liệu, lao động, đô thị hóa. Trong năm 2025, Bộ Xây dựng cần tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển, đảm bảo thị trường vận hành minh bạch, lành mạnh và có khả năng tự điều chỉnh.

- Hoàn thiện thể chế, tháo gỡ pháp lý cho thị trường bất động sản, đặc biệt là nhà ở xã hội: Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản, trong đó khẩn trương ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi

hành Luật Nhà ở 2023, đặc biệt là Nghị định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. Việc hoàn thiện thể chế cần đảm bảo đồng bộ, rõ ràng, dễ thực thi nhằm kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách trong triển khai thực tế, thúc đẩy các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở thương mại giá hợp lý. Đồng thời, tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến sử dụng đất, định giá đất, xác định nghĩa vụ tài chính để gỡ khó cho dự án nhà ở thương mại. Kiểm soát rủi ro thị trường đầu cơ và tăng cường tính minh bạch.

- Tăng cường tính công khai, minh bạch của thị trường bất động sản thông qua việc hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin. Đặc biệt, nghiên cứu thành lập sàn giao dịch bất động sản quốc gia để chuẩn hóa các giao dịch, bảo vệ quyền lợi của các bên và góp phần bình ổn thị trường.

- Phát triển đô thị bền vững gắn với TOD: Gắn kết chặt chẽ sự phát triển của thị trường bất động sản với quy hoạch và phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, bền vững và có khả năng chống chịu, ứng phó với biến đổi khí hậu. Lấy mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) làm trung tâm, biến các nhà ga đường sắt thành các trung tâm dịch vụ sầm uất, qua đó tối đa hóa giá trị từ các dự án hạ tầng giao thông.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính: Triển khai hiệu quả cơ chế "Lấy hạ tầng nuôi hạ tầng" thông qua việc khai thác giá trị gia tăng từ quỹ đất sau khi đầu tư hạ tầng để tạo nguồn lực tái đầu tư, phát triển các công trình công cộng và hạ tầng xã hội. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất chính sách đánh thuế nhằm hạn chế hoạt động đầu cơ bất động sản, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội và thông lệ quốc tế.

- Tăng cường tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bất động sản và thúc đẩy phục hồi thị trường: Tiếp tục chỉ đạo triển khai các giải pháp quyết liệt, hiệu quả để tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, đặc biệt là các doanh nghiệp đang gặp khó khăn về vốn, pháp lý và đầu ra. Thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ theo quý giữa Bộ Xây dựng với cộng đồng doanh nghiệp và địa phương để nắm bắt vướng mắc, kiến nghị xử lý. Coi "khó khăn của doanh nghiệp cũng là khó khăn của ngành", từ đó khơi thông nguồn cung, củng cố niềm tin và phục hồi thị trường.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách đánh thuế nhằm hạn chế hoạt động đầu cơ bất động sản, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế... trong đó nghiên cứu phương án thu thuế phân chênh lệch giá giữa giá tính tiền sử dụng đất và giá bán sản phẩm bất động sản của các dự án; thu thuế phân chênh lệch các lần giao dịch...

- Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền Đề án thí điểm mô hình "Trung tâm giao dịch bất động sản và quyền sử dụng đất do Nhà nước quản lý" nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch của các giao dịch bất động sản trên thị trường.

-Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội giai đoạn 2021-2030" theo đúng mục tiêu, kế hoạch, chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2026 và các năm tiếp theo đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ giao các địa phương tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 nhằm tăng nguồn cung cho thị trường.

- Tiếp tục làm việc với một số địa phương trọng điểm để kiểm tra, đôn đốc về việc rà soát, bổ sung quy hoạch, bố trí quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội; hướng dẫn, giải đáp, tháo gỡ những vướng mắc về chính sách pháp luật trong quá trình triển khai, thúc đẩy tạo nguồn cung nhà ở xã hội; đồng thời thường xuyên bám sát tiến độ triển khai Đề án của các địa phương để đôn đốc, nhắc nhở và báo cáo Thủ tướng Chính phủ có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

- Tập trung thúc đẩy triển khai hiệu quả gói tín dụng ưu đãi thông qua việc nghiên cứu giảm lãi suất và kéo dài thời hạn vay vốn. Các bộ ngành và địa phương cần phối hợp rà soát, công khai danh mục dự án đủ điều kiện để tạo cơ sở cho ngân hàng giải ngân, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà ở xã hội và cải tạo chung cư cũ.

- Phát triển mô hình bất động sản bền vững, gắn với đô thị hóa xanh và thông minh: Khuyến khích phát triển các dự án bất động sản theo mô hình đô thị nén, đô thị thông minh, khu nhà ở tích hợp hạ tầng kỹ thuật - xã hội - số. Ban hành tiêu chí, cơ chế khuyến khích cho các dự án (1) Nhà ở tiết kiệm năng lượng, (2) Sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, (3) Tích hợp công nghệ quản lý vận hành thông minh. Hướng tới hình thành cơ chế ưu đãi về thuế, phí và chỉ tiêu quy hoạch (tăng hệ số sử dụng đất) cho các chủ đầu tư áp dụng tiêu chuẩn Công trình Xanh, hướng tới thị trường bất động sản carbon thấp.

5) Nhóm giải pháp đảm bảo cung ứng vật liệu xây dựng, phát triển bền vững ngành vật liệu xây dựng

- Phát triển vật liệu xây dựng mới, xanh, nhẹ và thân thiện môi trường: Tập trung nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các loại vật liệu xây dựng nhẹ, siêu bền, cách nhiệt, cách âm tốt, phù hợp cho công trình cao tầng, công trình đặc thù như metro, nhà ở xã hội, khu công nghiệp. Khuyến khích sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng không nung, vật liệu tái chế từ phế thải công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

- Rà soát quy hoạch và bảo đảm nguồn cung nguyên liệu xây dựng ổn định, lâu dài: Tiến hành rà soát, cập nhật quy hoạch các mỏ nguyên liệu (đá, cát, sỏi, đất sét, sét...) theo từng vùng kinh tế, đảm bảo khai thác gắn với phục hồi môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; Hoàn thiện cơ chế quản lý khai thác mỏ theo hướng minh bạch, hiệu quả, hạn chế tình trạng đầu cơ vật liệu. Tổ chức đấu giá công khai quyền khai thác mỏ gắn với kế hoạch sử dụng và dự báo nhu cầu thực tế của các dự án xây dựng hạ tầng trọng điểm quốc gia. Tăng cường công tác quản lý, cấp phép và giám sát hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, đảm bảo sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cảnh quan.

- Nghiên cứu xây dựng Luật Vật liệu xây dựng; rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển ngành vật liệu xây dựng theo hướng phát triển bền vững; Nghiên cứu, bổ sung vào Danh mục quy hoạch ngành theo Luật Quy hoạch đối với phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu (xi măng, thép, gạch ốp lát, kính xây dựng).

- Nâng cao năng lực cạnh tranh: Thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tự động hóa trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và trình độ quản trị để đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu vật liệu xây dựng: Tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu vật liệu xây dựng, đặc biệt tập trung vào châu Phi, Nam Á, Trung Đông - là những khu vực có nhu cầu cao, rào cản thấp và ít cạnh tranh hơn so với thị trường truyền thống. Tận dụng hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA để giảm thuế xuất khẩu, tiếp cận thị trường châu Âu và châu Á – Thái Bình Dương. Cần hỗ trợ doanh nghiệp trong xây dựng thương hiệu quốc gia cho sản phẩm xi măng, đá xây dựng, kính, sắt thép, đồng thời hợp tác liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài để nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật và năng lực sản xuất theo chuẩn quốc tế.

- Đối với ngành xi măng, việc thúc đẩy tăng trưởng trong bối cảnh cạnh tranh nội địa gay gắt, dư thừa công suất, và nhu cầu nội địa suy giảm (đặc biệt từ lĩnh vực BĐS) đòi hỏi chiến lược có trọng điểm và dài hạn:

+ Tái cấu trúc sản xuất nhằm giảm dư thừa công suất: đóng cửa/giảm công suất các nhà máy kém hiệu quả, ô nhiễm hoặc không đạt tiêu chuẩn môi trường. Ứng dụng công nghệ hiện đại (như lò quay thể hệ mới) để tiết kiệm năng lượng và giảm chi phí sản xuất.

+ Đẩy mạnh phát triển xi măng xanh để giảm phát thải: Sử dụng phụ gia khoáng công nghiệp (tro bay, xỉ lò cao) để giảm clinker trong sản phẩm; Hướng đến chứng chỉ carbon để tận dụng cơ hội tài chính từ các quỹ khí hậu (carbon credit); Giảm chi phí – đáp ứng xu hướng tiêu dùng xanh – tăng khả năng xuất khẩu vào EU, Nhật Bản, Hàn Quốc...

+ Đẩy mạnh xuất khẩu đồng thời tìm kiếm thị trường mới: Tập trung thị trường châu Phi, Nam Á, Trung Đông, nơi có nhu cầu xây dựng cao và ít cạnh tranh; Tận dụng các FTA như EVFTA, CPTPP để giảm rào cản thuế quan.

+ Chuyển đổi số và tối ưu vận hành: Hệ thống ERP và quản trị thông minh giúp kiểm soát nguyên liệu, tiêu hao năng lượng, dự báo nhu cầu; Tự động hóa vận hành lò nung, nghiền, đóng bao để tăng năng suất và giảm phụ thuộc lao động.

- Chuyển đổi số, tối ưu hóa sản xuất trong vận hành ngành VLXD: Thúc đẩy ứng dụng các hệ thống ERP, SCADA, AI và IoT trong toàn bộ chuỗi giá trị vật liệu xây dựng từ khai thác, sản xuất đến vận chuyển và phân phối; Ưu tiên các giải pháp quản trị thông minh để kiểm soát nguyên liệu đầu vào, tiêu hao năng lượng, giảm tỷ lệ phế phẩm, dự báo nhu cầu thị trường theo thời gian thực.

- Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành VLXD: Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc đổi mới công nghệ, đầu tư dây chuyền mới, đạt chuẩn kỹ thuật và môi trường. Mở rộng tiếp cận tín dụng xanh, bảo lãnh tín dụng công nghệ, ưu đãi lãi suất đối với dự án sản xuất vật liệu xanh, tiết kiệm năng lượng, phát thải thấp; Thiết lập quỹ hỗ trợ chuyển đổi công nghệ VLXD xanh, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các chương trình hỗ trợ quốc tế (GCF, ADB, WB) thông qua cơ chế đồng tài trợ hoặc bảo lãnh đầu tư.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý ngành VLXD theo hướng thị trường bền vững: Hoàn thiện Bộ chỉ số giá vật liệu xây dựng quốc gia, công khai hàng tháng theo vùng miền, loại hình sản phẩm để hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư dự toán chi phí công trình chính xác hơn; Tăng cường kiểm soát chất lượng VLXD trên thị trường, cập nhật tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và hài hòa hóa với tiêu chuẩn quốc tế (ISO, ASTM...). Siết chặt quản lý hoạt động nhập khẩu VLXD kém chất lượng, không rõ nguồn gốc; Tổ chức định kỳ điều tra năng lực sản xuất, tồn kho, tiêu thụ và dự báo nhu cầu VLXD theo từng nhóm sản phẩm để phục vụ quản lý điều hành. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm các cơ sở vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường.

6) Nhóm giải pháp hỗ trợ phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả quản trị ngành

- Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số toàn diện trong ngành Xây dựng: Triển khai sâu rộng chương trình chuyển đổi số quốc gia trong các lĩnh vực do Bộ quản lý như: xây dựng, đô thị, vận tải, bất động sản, vật liệu xây dựng. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu ngành tích hợp, gồm: dự án đầu tư công, nhà ở xã hội, kho dữ liệu định mức đơn giá, dữ liệu đấu thầu, tiến độ công trình, cấp phép xây dựng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội, sản lượng vận tải, giá VLXD...Đẩy mạnh ứng dụng AI, IoT, dữ liệu lớn (Big Data), blockchain trong quản lý dự án, vận hành hệ thống giao thông đô thị, phân tích thị trường BĐS và cảnh báo sớm điểm nghẽn đầu tư công.

- Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế số trong ngành: Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học hiện đại, khuyến khích đổi mới sáng tạo từ cả khu vực công lẫn khu vực tư. Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực hạ tầng, đô thị, vật liệu và giao thông.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế: Xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu phù hợp với yêu cầu công nghệ hiện đại và chuẩn mực quốc tế. Ưu tiên đào tạo và thu hút nhân lực phục vụ các lĩnh vực then chốt như đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, vận hành sân bay, cầu cảng. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng cơ chế đặt hàng và giao nhiệm vụ đào tạo chuyên sâu theo mô hình “đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước và doanh nghiệp”, gắn đào tạo với thị trường lao động và nhu cầu vận hành công trình công nghệ cao.

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và thích ứng biến đổi khí hậu: Triển khai chương trình chuyển đổi xanh trong lĩnh vực xây dựng, đô thị, giao thông, vật liệu xây dựng (Thúc đẩy phát triển công trình xanh, hạ tầng xanh, đô thị không phát thải; Áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong khai thác – sử dụng vật liệu, tái sử dụng phế thải công nghiệp, tăng vòng đời công trình; Nghiên cứu, đề xuất cơ chế định giá carbon, phát triển thị trường tín chỉ carbon, tạo động lực kinh tế cho các doanh nghiệp ngành xây dựng và vật liệu đầu tư công nghệ xanh); Phát triển công cụ đánh giá rủi ro khí hậu, thiên tai và nước biển dâng đối với các dự án hạ tầng trọng điểm, để chủ động ứng phó và nâng cao khả năng chống chịu của ngành.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, cải cách hành chính và hoàn thiện thể chế quản trị ngành: Tiếp tục tinh gọn bộ máy quản lý ngành sau sáp nhập, phân định rõ trách nhiệm giữa các đơn vị trực thuộc Bộ theo hướng “rõ người – rõ việc – rõ kết

qua”. Rà soát lại toàn bộ quy trình xử lý công việc hành chính, thực hiện số hóa 100% thủ tục cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận BDS, đấu thầu xây dựng công trình, đăng ký vật liệu... Rà soát, đánh giá đề xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, cơ cấu lại các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng giai đoạn 2026-2030. Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm, hàng năm tại các doanh nghiệp, tập trung vào các giải pháp đột phá nhằm thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo mức tăng trưởng đạt 02 con số.

5.2. Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp

1) Đối với xây dựng công trình giao thông

Mục tiêu triển khai giải ngân tối thiểu là 95% vốn đầu tư công năm 2026, khoảng 133.842 tỷ đồng (bao gồm cả vốn bảo trì).

- Trách nhiệm chính:

+ **Vụ Kế hoạch - Tài chính (Đơn vị đầu mối):** Theo dõi, tổng hợp tình hình giải ngân toàn ngành, báo cáo định kỳ Bộ trưởng và Chính phủ; Kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, Ban QLDA đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân, đặc biệt các dự án trọng điểm; Tham mưu điều chuyển vốn đối với các dự án giải ngân chậm sang dự án có tiến độ tốt; Rà soát, đơn giản hóa quy trình thủ tục đầu tư nhằm kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong giải ngân.

+ **Vụ Pháp chế:** Rà soát quy định pháp luật liên quan đến đầu tư công, xây dựng, đề xuất sửa đổi nhằm gỡ vướng pháp lý trong thủ tục giải ngân; Hướng dẫn áp dụng thống nhất Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, tránh chồng chéo, kéo dài thời gian. Cắt giảm thủ tục hành chính tối thiểu 30%

+ **Các Ban Quản lý dự án, Chủ đầu tư thuộc Bộ:** Lập kế hoạch tiến độ chi tiết, điều hành chặt chẽ từng giai đoạn từ thiết kế, đấu thầu, thi công đến giải ngân; Tuyệt đối tuân thủ mốc thời gian cam kết giải ngân quý, năm; Chủ động phối hợp với các đơn vị chuyên môn, xử lý kịp thời hồ sơ, thủ tục.

+ **Cục Kinh tế xây dựng:** Ban hành và hướng dẫn áp dụng suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng để các dự án lập dự toán, thanh quyết toán nhanh chóng và đúng quy định; Rút ngắn thời gian thẩm định tổng mức đầu tư, dự toán, hỗ trợ đẩy nhanh thủ tục đầu tư; Tư vấn tháo gỡ vướng mắc về chi phí, giá vật liệu, điều chỉnh giá hợp đồng do biến động thị trường.

2) Đối với xây dựng nhà ở và thị trường bất động sản

- Trách nhiệm chính:

+ **Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản:** Phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện chương trình phát triển NOXH tại các địa phương; Theo dõi, tổng hợp tiến độ xây dựng NOXH, cập nhật số liệu các dự án trên toàn quốc. Đề xuất giải pháp tháo gỡ vướng mắc về pháp lý, thủ tục đầu tư và lựa chọn chủ đầu tư dự án NOXH. Phối hợp đề xuất cơ chế tín dụng cho người mua/thuê NOXH.

+ **Vụ Kế hoạch - Tài chính:** Tham mưu phân bổ nguồn vốn ngân sách, tín dụng ưu đãi cho phát triển NOXH.

+ **Vụ Quy hoạch - Kiến trúc:** Hướng dẫn lồng ghép quy hoạch phát triển NOXH vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị; Rà soát tiêu chuẩn thiết kế NOXH đảm bảo phù hợp nhu cầu và khả năng chi trả của đối tượng thụ hưởng. Thẩm định và hướng dẫn lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị cấp vùng, tỉnh, thành phố, đảm bảo định hướng đô thị hóa hợp lý; Tích hợp chỉ tiêu đô thị hóa vào quy hoạch tổng thể quốc gia, vùng và địa phương².

+ **Cục Phát triển đô thị:** Chủ trì xây dựng, hướng dẫn và giám sát thực hiện các chương trình, đề án về phát triển đô thị; Theo dõi, đánh giá tỷ lệ đô thị hóa trên cả nước và từng địa phương; Phối hợp với địa phương trong rà soát, phân loại, nâng cấp đơn vị hành chính lên đô thị theo quy hoạch và tiêu chuẩn.

+ **Vụ Pháp chế:** Rà soát quy định pháp luật liên quan; Hướng dẫn áp dụng thống nhất Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, tránh chồng chéo, kéo dài thời gian. Cắt giảm thủ tục hành chính tối thiểu 30%.

3) Đối với hoạt động vận tải - kho bãi

- Trách nhiệm chính:

+ **Vụ Vận tải và An toàn giao thông:** Tham mưu xây dựng kế hoạch tăng trưởng vận tải hàng năm, Theo dõi, tổng hợp tình hình vận tải hành khách và hàng hóa trên toàn quốc; phân tích nguyên nhân tăng/giảm; đề xuất điều chỉnh chính sách kịp thời; Phối hợp với các Cục chuyên ngành trong việc tháo gỡ vướng mắc về vận tải, cấp phép, quản lý luồng tuyến, giá cước; Đề xuất khung pháp lý cho đổi mới công nghệ vận tải (vé điện tử, giám sát hành trình, kết nối dữ liệu...). Phối hợp với các Cục, Học viện xây dựng lại chỉ tiêu chi phí logistics/GDP làm cơ sở theo dõi, đánh giá hiệu quả của phát triển hạ tầng giao thông và vận tải đối với chi phí logistics.

+ **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam:** Đảm bảo luồng hàng hải, cảng biển được vận hành hiệu quả, thông suốt, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu tăng cao. Đảm bảo các bến cảng mới đưa vào hoạt động khai thác phát huy tốt vai trò, chức năng quy hoạch (Lạch Huyện, Cái Mép - Thị Vải...), giảm chi phí logistics; Điều tiết thị trường vận tải biển, kiểm soát giá cước và bảo vệ lợi ích doanh nghiệp Việt Nam; Tăng thêm tuyến vận tải container nội địa, giảm áp lực cho đường bộ. Phát triển cảng thủy nội địa kết hợp cảng cạn; Ứng dụng cảng điện tử, số hóa thủ tục tàu thuyền để tăng năng suất thông quan.

+ **Cục Hàng không Việt Nam:** Quản lý điều phối luồng bay, slot sân bay hiệu quả, tránh ùn tắc tại Tân Sơn Nhất, Nội Bài; Mở mới và khai thác tối đa các đường bay nội địa và quốc tế, nhất là đến các địa phương du lịch, công nghiệp; Giám sát chất lượng dịch vụ hàng không, giá vé, bảo đảm người dân tiếp cận dịch vụ thuận lợi.

+ **Cục Đường bộ Việt Nam:** đảm bảo vận hành hiệu quả hệ thống quốc lộ, cao

² Năm 2025 tỷ lệ đô thị hóa cần đạt 45%. Tính đến cuối năm 2024, tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc của Việt Nam đạt 44,3%, vượt chỉ tiêu Quốc hội giao là 43,7%.

tốc hiện hữu và mới đưa vào khai thác, đảm bảo vận tải hàng hóa và hành khách liên vùng thông suốt; Ứng dụng công nghệ quản lý luồng phương tiện, trạm thu phí không dừng, bản đồ số; Tăng cường kiểm tra tải trọng, xử lý xe quá khổ, quá tải để bảo vệ hạ tầng.

+ **Cục Đường sắt Việt Nam:** Tăng cường vận tải hàng hóa, nhất là hàng container trên tuyến Bắc Nam, tuyến liên vận quốc tế, thúc đẩy phát triển vận tải hành khách chất lượng cao.

4) Đối với lĩnh vực vật liệu xây dựng

- Trách nhiệm chính:

+ **Vụ Khoa học, Công nghệ và Vật liệu xây dựng:** cơ quan đầu mối theo dõi, hướng dẫn thực hiện Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển vật liệu xây dựng bền vững; Theo dõi tình hình sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu xi măng theo quý, giám sát chỉ tiêu tiêu thụ toàn ngành (95–100 triệu tấn); Thúc đẩy xuất khẩu VLXD như clinker, xi măng, đá xây dựng, kính... thông qua hỗ trợ tiêu chuẩn, chất lượng, truy xuất nguồn gốc.

+ **Cục Quản lý hoạt động xây dựng:** Thẩm định dự án đầu tư mới hoặc nâng cấp dây chuyền sản xuất xi măng, đảm bảo các dự án tuân thủ quy định về công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và phù hợp quy hoạch. Nhiệm vụ cụ thể năm 2025: Không cấp phép cho dự án mới có công nghệ lạc hậu hoặc không có tận nhiệt; Kiểm tra điều kiện công suất thiết kế để đảm bảo không vượt mức 150 triệu tấn/năm toàn ngành.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Năm 2026 là năm mở đầu của giai đoạn 2026–2030, có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và dài hạn của đất nước quán triệt theo định hướng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Trong bối cảnh mới, yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng phục vụ chuyên đổi số, chuyên đổi xanh, chuyên đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2026 với cơ sở khoa học và nguồn lực khả thi là nhiệm vụ trọng tâm nhằm hiện thực hóa các định hướng này ngay từ đầu nhiệm kỳ.

Trên cơ sở phương pháp luận thống kê kinh tế vĩ mô và các tính toán đã thực hiện, Đề án xác định năm 2026 ngành Xây dựng tiếp tục giữ vai trò là một trong những ngành nền tảng của nền kinh tế. Giá trị gia tăng của ngành Xây dựng theo giá so sánh năm 2026 ước đạt khoảng 1,44 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 11,8% so với năm 2025, cao hơn mức tăng trưởng chung của GDP cả nước; tỷ trọng giá trị gia tăng của ngành trong GDP tiếp tục được duy trì và cải thiện, phản ánh vai trò ngày càng rõ nét của ngành trong cơ cấu kinh tế. Theo giá hiện hành, quy mô giá trị gia tăng của ngành ước đạt khoảng 2,6 triệu tỷ đồng, cho thấy dư địa đóng góp lớn cả về tăng trưởng thực và quy mô danh nghĩa.

Cơ cấu tăng trưởng nội ngành năm 2026 được xác định theo hướng tương đối ổn định, trong đó hoạt động xây dựng tiếp tục giữ vai trò trụ cột và dẫn dắt, chiếm khoảng 36% giá trị gia tăng của ngành; hoạt động vận tải, kho bãi chiếm khoảng 31%, đóng vai trò hỗ trợ và ổn định; hoạt động xây dựng nhà ở và kinh doanh bất động sản chiếm khoảng 17%, thể hiện xu hướng phục hồi có chọn lọc; các hoạt động khác, bao gồm sản xuất vật liệu xây dựng, chiếm khoảng 16%, giữ vai trò nền tảng và hỗ trợ. Cơ cấu này phản ánh xu hướng chuyên dịch tích cực theo hướng gia tăng hàm lượng hạ tầng, logistics và các lĩnh vực phục vụ phát triển bền vững.

Đề án đã cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng năm 2026 thông qua phân kỳ theo quý. Theo kịch bản điều hành, giá trị gia tăng toàn ngành được phân bổ theo hướng 18% Quý I, 22% Quý II, 25% Quý III và 35% Quý IV, phù hợp với đặc điểm mùa vụ và tiến độ triển khai các dự án xây dựng, trong đó Quý IV giữ vai trò quyết định đối với việc hoàn thành mục tiêu cả năm.

Trên cơ sở phân kỳ giá trị gia tăng, các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu của ngành Xây dựng năm 2026 cũng được lượng hóa và phân bổ theo quý để phục vụ công tác theo dõi, giám sát và điều hành. Cụ thể, kế hoạch giải ngân đầu tư công năm 2026 khoảng 133,5 nghìn tỷ đồng, trong đó Quý IV chiếm tỷ trọng cao nhất; sản lượng vận tải hàng hóa đạt khoảng 3,4 tỷ tấn và vận tải hành khách khoảng 6,1 tỷ lượt,

phân bổ tương đối đều giữa các quý; số căn nhà ở xã hội hoàn thành khoảng 110.000 căn, tập trung chủ yếu vào nửa cuối năm; và sản lượng xi măng khoảng 120 triệu tấn, tăng dần từ Quý II đến Quý IV. Việc lượng hóa các chỉ tiêu sản lượng này giúp gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu tăng trưởng giá trị gia tăng với tiến độ thực hiện thực tế của từng lĩnh vực.

Các kết quả tính toán cho thấy, nếu tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp về thể chế, đầu tư, chuyển đổi số, phát triển hạ tầng và thị trường, ngành Xây dựng hoàn toàn có cơ sở để duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân của nền kinh tế trong năm 2026, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026–2030. Đồng thời, ngành Xây dựng tiếp tục phát huy vai trò lan tỏa, thúc đẩy phát triển các ngành liên quan, nâng cao năng suất tổng hợp, cải thiện chất lượng không gian đô thị và hạ tầng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và nâng cao chất lượng tăng trưởng.

Từ góc độ chiến lược, Đề án năm 2026 không chỉ nhằm đạt các mục tiêu tăng trưởng trước mắt, mà còn góp phần định hình lại vai trò của ngành Xây dựng trong mô hình phát triển mới: từ một ngành chủ yếu thâm dụng vốn và lao động sang ngành kiến tạo không gian phát triển, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao chất lượng sống. Việc thực hiện hiệu quả Đề án sẽ tạo chuỗi tác động tích cực, góp phần nâng cao năng lực nội sinh, khả năng thích ứng và sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

2. KIẾN NGHỊ

a) Đối với Bộ Xây dựng

Đề nghị Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu, đề xuất và hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm rút ngắn thủ tục đầu tư, đấu thầu và xây dựng, nhất là đối với các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia như đường cao tốc, vành đai đô thị, sân bay, cảng biển và đường sắt. Trọng tâm là đơn giản hóa quy trình thẩm định, cấp phép, tăng cường cơ chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan, bảo đảm tiến độ khởi công, thi công và hoàn thành dự án theo đúng kế hoạch phân kỳ đã xác định.

Đẩy mạnh triển khai các chương trình chuyển đổi số trong toàn bộ chuỗi giá trị ngành Xây dựng, từ quy hoạch, thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu đến quản lý vận hành công trình; từng bước áp dụng các công nghệ số như BIM, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và mô hình số trong quản lý đầu tư xây dựng, bất động sản, vật liệu và logistics. Đồng thời, xây dựng lộ trình chuyển đổi số đồng bộ, gắn với cải cách quy trình quản lý nhà nước và nâng cao năng lực thực thi.

Tăng cường công tác theo dõi, giám sát tiến độ và hiệu quả giải ngân đầu tư công, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông và đô thị có quy mô lớn, tác động lan tỏa cao. Thiết lập cơ chế phản hồi nhanh để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về pháp lý, kỹ thuật và tổ chức thực hiện, hạn chế tình trạng dồn khối lượng và giải ngân vào

cuối năm.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển nhà ở xã hội và nhà ở công nhân, bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã được Chính phủ giao trong giai đoạn 2026–2030; đồng thời gắn phát triển nhà ở xã hội với quy hoạch đô thị, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm nâng cao tính bền vững và khả năng hấp thụ của thị trường.

Khẩn trương củng cố và phát triển hệ thống thống kê chuyên ngành xây dựng theo hướng chủ động, hiện đại và số hóa. Trên cơ sở đó, đề nghị giao các đơn vị có đủ năng lực nghiên cứu và chuyên môn làm đầu mối xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, mô hình phân tích và dự báo tăng trưởng cho các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, từng bước nâng cao khả năng tự tính toán, mô phỏng và hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo, điều hành chính sách.

b) Đối với Chính phủ

Đề nghị Chính phủ ưu tiên bố trí và điều hành nguồn vốn đầu tư công cho các dự án xây dựng hạ tầng có khả năng triển khai nhanh, hiệu quả và có sức lan tỏa lớn, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông, đô thị và hạ tầng vùng động lực, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026–2030.

Ban hành và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phát triển ngành vật liệu xây dựng theo hướng xanh và bền vững, khuyến khích đổi mới công nghệ, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và từng bước hình thành thị trường vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường.

Tiếp tục thúc đẩy thị trường nhà ở xã hội và nhà ở công nhân gắn với phát triển đô thị thông minh, đô thị vệ tinh và các vùng kinh tế động lực; đồng thời có các chính sách tín dụng, đất đai và quy hoạch đồng bộ để nâng cao tính khả thi trong triển khai.

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng và hạ tầng, từng bước hình thành hệ thống quản lý số đối với công trình xây dựng, hạ tầng giao thông và logistics, làm nền tảng cho quản lý thông minh, nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững trong dài hạn.

PHỤ LỤC